

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3623 /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương; Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1662/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024 của các bộ, cơ quan ở trung ương thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Công Thương: (phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2024 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tài chính (Vụ HCSN, Vụ NSNN);
- Kho bạc Nhà nước;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Hệ thống TABMIS;
- Cổng thông tin điện tử BCT;
- Lưu: VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Phan Thị Thắng

BỘ CÔNG THƯƠNG

TỔNG HỢP GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2024

(kèm theo Quyết định số: 3623/QĐ-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Mã NS đơn vị sử dụng	Mã KBNN	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Loại khoản	Ngân sách nhà nước			Ghi chú
						Tổng	Bổ sung lương cơ sở theo Nghị định số 73/NĐ-CP	Bổ sung quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/NĐ-CP	
A	B			C	Đ				3
	TỔNG CỘNG					264.101,99	207.784,66	56.317,33	
I	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC					166.656,54	132.709,12	33.947,42	
1	Văn phòng Bộ Công Thương	1.053.956	0011	<u>Hà Nội</u>	340-341	<u>16.254,00</u>	12.264,00	3.990,00	
2	Cục Xúc tiến Thương mại	1.113.499	0011	<u>Hà Nội</u>	340-341	<u>1.922,21</u>	1.495,08	427,13	
3	Ủy ban Cạnh tranh quốc gia	1.131.518	0011	<u>Hà Nội</u>	340-341	<u>1.385,16</u>	1.083,00	302,16	
4	Cục Phòng vệ Thương mại	1.131.523	0011	<u>Hà Nội</u>	340-341	<u>1.086,60</u>	852,00	234,60	
5	Tổng cục Quản lý thị trường	1.113.505	0011	<u>Hà Nội</u>	340-341	<u>134.776,54</u>	108.250,30	26.526,24	
6	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số	1.113.501	0013	<u>Hoàn Kiếm - Hà Nội</u>	340-341	<u>1.015,63</u>	795,42	220,21	
7	Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường Công nghiệp	1.113.500	0013	<u>Hoàn Kiếm - Hà Nội</u>	340-341	<u>1.267,38</u>	991,68	275,70	
8	Cục Công Thương địa phương	1.131.521	0013	<u>Hoàn Kiếm - Hà Nội</u>	340-341	<u>1.244,99</u>	973,55	271,45	
9	Cục Điều tiết điện lực	1.113.502	0022	<u>Thanh Xuân - HN</u>	340-341	<u>1.461,60</u>	1.140,00	321,60	
10	Cục Công nghiệp	1.131.529	0011	<u>Hà Nội</u>	340-341	<u>1.239,90</u>	957,60	282,30	
11	Cục Hóa chất	1.113.503	0011	<u>Hà Nội</u>	340-341	<u>801,70</u>	628,14	173,56	
12	Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo	1.131.508	0011	<u>Hà Nội</u>	340-341	<u>1.461,35</u>	1.135,00	326,35	
13	Cục Xuất nhập khẩu	1.117.402	0011	<u>Hà Nội</u>	340-341	<u>2.179,68</u>	1.704,24	475,44	

TT	Nội dung	Mã NS đơn vị sử dụng	Mã KBNN	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Loại khoản	Ngân sách nhà nước			Ghi chú
						Tổng	Bổ sung lương cơ sở theo Nghị định số 73/NĐ-CP	Bổ sung quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/NĐ-CP	
14	Ban chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế	1.052.026	0011	<u>Hà Nội</u>	340-341	559,79	439,11	120,68	
II	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO					84.722,40	65.924,55	18.797,85	
1	Trường Đại học công nghiệp Quảng Ninh	1.054.142	2815	<u>Đông Triều - Quảng Ninh</u>	070-081	5.730,72	4.570,24	1.160,48	
2	Trường Đại học Sao Đỏ	1.054.186	0366	<u>Chí Linh - Hải Dương</u>	070-081	5.893,20	4.626,00	1.267,20	
3	Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung	1.054.099	0033	<u>TX Sơn Tây - HN</u>	070-081	6.809,44	5.478,46	1.330,98	
4	Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	1.054.017	1266	<u>Phù Ninh - Phú Thọ</u>	070-081	5.517,42	4.387,32	1.130,10	
5	Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại	1.054.146	2261	<u>Thái Nguyên</u>	070-093	5.345,55	4.262,64	1.082,91	
6	Trường Cao đẳng Công thương miền trung	1.054.211	2161	<u>Phú Yên</u>	070-093	4.021,87	3.214,19	807,68	
7	Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định	1.054.188	0261	<u>Nam Định</u>	070-093	3.481,43	2.750,37	731,06	
8	Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế	1.054.182	1611	<u>Thừa Thiên Huế</u>	070-093	1.905,68	928,28	977,40	
9	Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức	1.054.147	2269	<u>Sông Công - Thái Nguyên</u>	070-093	3.184,50	2.493,48	691,02	
10	Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Công nghiệp	1.054.098	2263	<u>Phổ Yên - Thái Nguyên</u>	070-093	3.836,79	3.096,13	740,66	
12	Trường Cao đẳng Công nghiệp và Xây dựng	1.054.185	2812	<u>Uông Bí - Quảng Ninh</u>	070-093	6.907,43	5.304,83	1.602,60	
13	Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại	1.054.183	1219	<u>Phúc Yên - Vĩnh Phúc</u>	070-093	3.745,77	3.053,70	692,07	

TT	Nội dung	Mã NS đơn vị sử dụng	Mã KBNN	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Loại khoản	Ngân sách nhà nước			Ghi chú
						Tổng	Bổ sung lương cơ sở theo Nghị định số 73/NĐ-CP	Bổ sung quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/NĐ-CP	
14	Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên	1.054.184	2261	<u>Thái Nguyên</u>	070-093	<u>3.273,60</u>	2.628,00	645,60	
15	Trường Cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm	1.054.144	1261	<u>Phú Thọ</u>	070-093	<u>3.465,60</u>	2.748,00	717,60	
16	Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên	1.054.143	0412	<u>Mỹ Hào - Hưng Yên</u>	070-093	<u>3.808,62</u>	3.017,46	791,16	
17	Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghiệp	1.054.097	1161	<u>Bắc Giang</u>	070-093	<u>3.450,00</u>	2.778,00	672,00	
18	Trường Cao đẳng Thương mại	1.055.486	0163	<u>Thanh Khê - Đà Nẵng</u>	070-093	<u>2.469,04</u>	1.782,04	687,00	
19	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch	1.055.487	2261	<u>Thái Nguyên</u>	070-093	<u>2.494,41</u>	1.979,13	515,28	
20	Trường Cao đẳng Kinh tế - kỹ thuật Thương mại	1.055.485	0026	<u>Hà Đông - Hà Nội</u>	070-093	<u>3.472,37</u>	2.693,36	779,01	
21	Trường Cao đẳng Du lịch và Công Thương	1.055.491	0365	<u>Cầm Giàng - Hải Dương</u>	070-093	<u>1.700,60</u>	1.001,00	699,60	
22	Trường Cao đẳng kinh tế - Kỹ thuật Công thương	1.055.564	1361	<u>Thanh Hóa</u>	070-093	<u>1.687,60</u>	1.321,60	366,00	
23	Trường Đào tạo bồi dưỡng cán bộ Công thương Trung ương	1.055.490	0025	<u>Hoàng Mai - Hà Nội</u>	070-093	<u>1.033,97</u>	618,54	415,43	
24	Trường Cao đẳng Công thương Phú thọ	1.058.722	1266	<u>Phù ninh - Phú Thọ</u>	070-093	<u>1.486,79</u>	1.191,78	295,01	
III	SỰ NGHIỆP Y TẾ					<u>1.757,21</u>	<u>1.284,64</u>	<u>472,57</u>	
1	Trung tâm Y tế Môi trường lao động Công thương	1.054.094	0012	<u>Ba Đình - Hà Nội</u>	130-132	<u>1.757,21</u>	1.284,64	472,57	
IV	SỰ NGHIỆP KINH TẾ					<u>3.565,12</u>	<u>2.431,23</u>	<u>1.133,89</u>	
1	Trung tâm thông tin công nghiệp và thương mại	1.055.532	0013	<u>Hoàn Kiếm - Hà Nội</u>	280-338	<u>1.051,20</u>	784,20	267,00	

TT	Nội dung	Mã NS đơn vị sử dụng	Mã KBNN	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Loại khoản	Ngân sách nhà nước			Ghi chú
						Tổng	Bổ sung lương cơ sở theo Nghị định số 73/NĐ-CP	Bổ sung quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/NĐ-CP	
2	Cục Xúc tiến thương mại	1.113.499	0011	<u>Hà Nội</u>	280-321	<u>120,14</u>	44,85	75,29	TT Hỗ trợ Xuất khẩu
3	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số	1.113.501	0013	<u>Hoàn Kiếm - Hà Nội</u>	280-321	<u>238,18</u>	124,78	113,40	TT Tin học và Công nghệ số
4	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số	1.113.501	0013	<u>Hoàn Kiếm - Hà Nội</u>	280-321	<u>318,40</u>	196,69	121,71	TT Phát triển TMĐT
5	Cục Phòng vệ thương mại	1.131.523	0011	<u>Hà Nội</u>	280-321	<u>100,00</u>	49,00	51,00	TT Thông tin và Cảnh báo
6	Ủy ban Cạnh tranh quốc gia	1.131.518	0011	<u>Hà Nội</u>	280-321	<u>193,48</u>	129,40	64,08	TT Thông tin, Tư vấn và Đào tạo
7	Cục Công thương địa phương	1.131.521	0013	<u>Hoàn Kiếm - Hà Nội</u>	280-338	<u>427,84</u>	319,61	108,23	TT Khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp I
8	Cục Hóa chất	1.113.503	0011	<u>Hà Nội</u>	280-338	<u>216,12</u>	160,92	55,20	TT Dữ liệu và Hỗ trợ ứng phó sự cố hóa chất thuộc
9	Cục Xúc tiến thương mại	1.113.499	0011	<u>Hà Nội</u>	280-321	<u>225,96</u>	172,02	53,94	TT ứng dụng công nghệ TT
10	Cục Xúc tiến thương mại	1.113.499	0011	<u>Hà Nội</u>	280-321	<u>97,27</u>	35,51	61,76	TT Xúc tiến đầu tư phát triển Công Thương
11	Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo	1.131.508	0011	<u>Hà Nội</u>	280-338	<u>137,63</u>	98,20	39,43	TT Kỹ thuật và Thông tin năng lượng
12	Nhà xuất bản công thương	1.101.795	0011	<u>Hà Nội</u>	280-321	<u>438,90</u>	316,05	122,85	

TT	Nội dung	Mã NS đơn vị sử dụng	Mã KBNN	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Loại khoản	Ngân sách nhà nước			Ghi chú
						Tổng	Bổ sung lương cơ sở theo Nghị định số 73/NĐ-CP	Bổ sung quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/NĐ-CP	
V	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ				100-101	<u>7.400,73</u>	5.435,12	1.965,61	
1	Viện Nghiên cứu Điện tử, Tin học, Tự động hoá	1.054.056	0013	<u>Hoàn Kiếm - Hà Nội</u>	100-101	<u>1.155,75</u>	801,00	354,75	
2	Viện Công nghiệp Thực phẩm	1.054.055	0022	<u>Thanh Xuân - HN</u>	100-101	<u>1.721,20</u>	1.246,00	475,20	
3	Viện Nghiên cứu Dầu và cây có Dầu	1.054.061	0133	<u>Quận 1 - TP HCM</u>	100-101	<u>429,26</u>	327,52	101,74	
4	Viện Nghiên cứu Sành sứ Thủy tinh Công nghiệp	1.054.060	0022	<u>Thanh Xuân - HN</u>	100-101	<u>276,84</u>	208,02	68,82	
5	Viện Nghiên cứu Thiết kế chế tạo Máy nông nghiệp	1.119.617	0022	<u>Thanh Xuân - HN</u>	100-101	<u>667,31</u>	498,78	168,53	
6	Viện Nghiên cứu Chiến lược, chính sách Công thương	1.054.054	0011	<u>Hà Nội</u>	100-101	<u>3.150,36</u>	2.353,80	796,56	

Ghi chú:

- Bổ sung dự toán ngân sách năm 2024 căn cứ theo Quyết định số 1662/QĐ-TTg ngày 26/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024 của Chính phủ thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ;

- Giảm kinh phí cấp bổ sung để thực hiện mức lương cơ sở của Viện Nghiên cứu Điện tử tin học tự động hóa là 258,58 triệu đồng do Viện đã có nguồn thu tự có để bổ sung với mức kinh phí tương ứng.

- Giảm kinh phí cấp bổ sung để thực hiện mức lương cơ sở của Trung tâm Xúc tiến đầu tư phát triển Công Thương 83,52 triệu đồng, sau khi rà soát lại số liệu